UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1693 /QĐ-SNNMT

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 10năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện việc tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1413 /QĐ-SNNMT ngày 04/9/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công nhiệm vụ Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn tại Văn bản số 911/CV-HNBK ngày 21/9/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Văn bản số 1440/CCBVMT-CM ngày 02/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định này và các trách nhiệm quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và các quy định pháp luật có liên quan..

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Quỹ BVMT, rừng và Phòng chống thiên tai;
- Trung tâm Khuyến nông (đăng tải);
- Lưu: VT, BVMT.

Hiendv.08b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Văn Minh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

Tên dự án: Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

Địa điểm thực hiện: Xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn.

1.2. Quy mô, công suất

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 5,27 ha, trong đó:

Diện tích khu vực khai thác: 2,25 ha;

Diện tích khu vực phụ trợ và hành lang an toàn mỏ: 3,02 ha.

Công suất khai thác: Năm thứ nhất 7.751 tấn quặng/năm; các năm còn lại 7.900 tấn quặng/năm.

Sản phẩm: Chì, kẽm, mangan, sắt và khoáng sản có ích đi kèm (nếu được xác định trong quá trình khai thác và được cơ quan có thẩm quyền cho phép thu hồi).

Thời gian hoạt động của dự án: 10 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

1.3. Công nghệ khai thác

- Áp dụng công nghệ khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác theo lớp bằng, chiều cao tầng khai thác 5 m và chiều cao phân tầng khai thác 2,5 m.

- Quặng được xúc bốc trực tiếp hoặc sau khi làm tơi sơ bộ bằng phương pháp khoan, nổ mìn, xúc chuyển lên phương tiện vận tải bằng ô tô về Nhà máy tuyển Chợ Đồn.

- Đất đá thải được xúc bốc, vận chuyển về bãi thải.

- Quy trình khai thác theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu thực hiện san gạt, cải tạo, phục hồi môi trường trong và ngay sau khi kết thúc khai thác đến đó.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1 Các hạng mục công trình

- Nhà làm việc 50 m²; nhà để xe 2 bánh 30 m²; nhà ở cán bộ, nhân viên 50 m²; nhà bếp và ăn ca 50 m²; xưởng sửa chữa mỏ 50 m²; nhà bảo vệ 6 m²; nhà trạm cân 12 m²; kho vật liệu nổ công nghiệp 1.000 m²; hệ thống trạm điện, camera giám sát.

- Công trình bảo vệ môi trường gồm: nhà vệ sinh, nhà tắm; kho chứa CTNH diện tích khoảng 12 m^2; bãi thải diện tích khoảng 2.444 m^2, dung tích khoảng 2.567 m^3; đê chắn thải dài khoảng 24 m; 02 tuyến rãnh thu nước mưa chảy tràn; bể lắng khai trường và bãi thải tại mức +294 m^3, dung tích khoảng 680 m^3.

- Các công trình, thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và các hạng mục phụ trợ khác theo hồ sơ dự án.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Thi công xây dựng, san gạt mặt bằng và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ.

- Khai thác mỏ gồm khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển quặng và đất đá thải; hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Vận chuyển quặng về Nhà máy tuyển Chợ Đồn và vận chuyển đất đá thải đến vị trí đổ thải theo thiết kế được duyệt.

- Cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khi kết thúc khai thác.

1.5. Phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động của Dự án trong các giai đoạn thi công xây dựng, khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường trên diện tích 5,27 ha; nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường liên quan đến chất thải, không liên quan đến chất thải và các sự cố môi trường; đề xuất các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo hồ sơ báo cáo ĐTM được thẩm định, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành.

1.7. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Chủ đầu tư dự án không đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng, san gạt mặt bằng, vận chuyển máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải.

- Hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển quặng và đất đá thải phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; có nguy cơ đá văng, trượt lở, sạt lở và các sự cố liên quan đến hoạt động khai thác.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, phương tiện phát sinh chất thải nguy hại.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường, bãi thải có khả năng cuốn theo đất đá, chất rắn lơ lửng và các thành phần khoáng vật có khả năng chứa kim loại như chì, kẽm, mangan, sắt và các thành phần khác đặc trưng của quặng.

- Hoạt động đổ thải có nguy cơ phát sinh sạt lở, trượt lở, phát tán đất đá và gây tác động đến dòng chảy, môi trường đất, nước khu vực nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt và chất thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 1,0 m^3/ngày, nước thải thi công khoảng 2,0 m^3/ngày, thành phần gồm chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ước tính khoảng 615,38 lít/s, chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, đất, cát và các chất ô nhiễm cuốn theo bề mặt.

- Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ san gạt, vận chuyển, thi công và hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển..., thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x, SO_2.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 8 kg/ngày; đất đá từ san gạt khoảng 2.851 m^3; sinh khối phát quang: cành, lá cây và các chất thải xây dựng khác.

- Chất thải nguy hại chủ yếu gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu và các chất thải phát sinh từ bảo dưỡng máy móc.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất, nguyên vật liệu,.... phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

3.2. Giai đoạn khai thác

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,7 m^3/ngày, thành phần gồm chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn qua khai trường, bãi thải và các khu vực có nguy cơ cuốn theo đất đá, chất rắn lơ lửng và các thành phần ô nhiễm đặc trưng.

- Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển quặng và đất đá thải, có thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 5,6 kg/ngày.

- Đất đá thải phát sinh khoảng 10.340 m^3 trong toàn bộ quá trình khai thác.

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 55 kg/năm, chủ yếu gồm dầu nhớt thải, giẻ lau, găng tay, vải lọc dầu dính dầu mỡ và các chất thải tương tự.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động nổ mìn, máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển.

3.2.4. Các tác động khác

Các rủi ro, sự cố gồm sạt lở tầng khai thác, trượt lở bãi thải, đá văng, tai nạn lao động, cháy nổ và sự cố môi trường khác.

3.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 0,5 m^3/ngày; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải từ tháo dỡ công trình; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải và giảm thiểu bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh lưu động 02 buồng, dung tích khoảng 900 lít để thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân thi công; định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công: Bố trí 04 thùng phi dung tích 200 lít để thu gom nước rửa dụng cụ, thiết bị tại công trường; lượng nước sau thu gom được tận dụng để chống bụi trên mặt bằng xây dựng, san gạt, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Đào mương thu gom nước mưa có kích thước rộng đáy × mặt × sâu khoảng 0,3 × 0,5 × 0,4 m; bố trí các hố ga lắng cặn kích thước khoảng 0,75 × 0,75 × 1 m, khoảng cách giữa các hố ga khoảng 150 m. Nước mưa được thu gom qua hệ thống rãnh, dẫn qua các hố ga để lắng cặn trước khi thoát ra khe tiếp nhận.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích khoảng 8,0 m^2; sử dụng bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 4,5 m^3 để xử lý sơ bộ nước thải đen. Nước thải sinh hoạt sau đó được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2 m^3/ngày đêm, gồm bể điều hòa, bể sinh học MBBR, bể lắng và khử trùng. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi thải ra môi trường theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Tiếp tục duy trì hệ thống mương, rãnh và hố ga thu gom nước mưa. Xây dựng 02 tuyến thoát nước mưa có chiều dài khoảng 340 m và 305 m, dẫn nước về bể lắng 02 ngăn dung tích khoảng 680 m^3 để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

- Tách riêng dòng nước mưa sạch với nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường, bãi thải và các khu vực có nguy cơ cuốn theo đất đá, chất ô nhiễm; thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom, bảo đảm không để đất đá, bùn thải gây tắc nghẽn dòng chảy.

- Không được xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; trường hợp nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác, bãi thải có dấu hiệu bị ô nhiễm phải được thu gom, xử lý phù hợp trước khi xả thải.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong từng giai đoạn của dự án; quản lý, vận hành thường xuyên các công trình thu gom, xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn. Không để nước thải chưa xử lý hoặc nước chứa bùn, đất đá từ khu vực khai thác, bãi thải chảy trực tiếp ra môi trường.

Đối với nước thải sinh hoạt, bảo đảm chất lượng nước sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi xả thải. Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường, bãi thải, phải kiểm soát các thông số đặc trưng của hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó lưu ý chất rắn lơ lửng và các kim loại như Pb, Cd, Zn, Mn, Fe, As; thực hiện thu gom, xử lý phù hợp theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công thực hiện biện pháp tổ chức thi công phù hợp; công nhân, nhà thầu thi công phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng, che phủ kín đối với vật liệu, đất đá, phế thải trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển; thực hiện phun nước giảm bụi tại khu vực có phát sinh bụi khi cần thiết.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động khoan, nổ mìn: Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện kết hợp thuốc nổ theo phương án được phê duyệt; lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, chính xác; thực hiện khoan, nổ mìn đúng thiết kế, hộ chiếu nổ mìn và quy định về an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Hạn chế tổ chức nổ mìn trong điều kiện thời tiết bất lợi; lựa chọn thời điểm phù hợp nhằm hạn chế phát tán bụi ra khu vực xung quanh.

- Hoạt động bốc xúc, vận chuyển quặng và đất đá thải: Phương tiện vận chuyển phải được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng quy định, tuân thủ tốc độ; che phủ kín phương tiện vận chuyển nhằm hạn chế bụi và rơi vãi đất đá, quặng.

- Thực hiện phun nước giảm bụi trên các tuyến đường nội bộ với tần suất phù hợp với điều kiện thực tế, đặc biệt trong thời kỳ khô hanh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và khai thác; không để hoạt động thi công, khoan, nổ mìn, bốc xúc và vận chuyển gây ảnh hưởng vượt mức cho phép đến khu dân cư và khu vực xung quanh dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa rác dung tích 100 lít, có nắp đậy tại khu vực công trường; thực hiện phân loại tại nguồn, tận dụng, tái sử dụng, tái chế phần chất thải có khả năng tái chế; phần còn lại được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng hoặc đưa về khu tập kết chung của địa phương để xử lý theo quy định.

- Đất đá dư thừa: Tận dụng cho việc đắp bờ hành lang an toàn và san lấp nền đường nội mỏ theo hồ sơ dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: Các loại có khả năng tận dụng được sử dụng cho san lấp mặt bằng; vật liệu có khả năng tái chế như bao bì, sắt thép được thu gom để tái sử dụng, tái chế; phần không có khả năng tận dụng được thu gom, lưu giữ tạm thời và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Sinh khối phát sinh từ phát quang: tận dụng trước khi san gạt mặt bằng dự án; tiến hành dọn dẹp thực bì theo kế hoạch khai thác từng năm nhằm duy trì thảm thực vật tại khu vực chưa khai thác.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa rác dung tích 100 lít, có nắp đậy tại khu vực phụ trợ; thực hiện phân loại, thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất đá thải: Tổng khối lượng đất đá thải trong quá trình khai thác khoảng 10.340 m^3. Trong 02 năm đầu, đất đá thải được vận chuyển về bãi thải của dự án có diện tích khoảng 2.444 m^2, dung tích khoảng 2.567 m^3; từ năm thứ ba trở đi, thực hiện đổ thải tại bãi thải trong tại các vị trí đã khai thác theo thiết kế được duyệt.

- Quản lý chặt chẽ vị trí, cao độ, trình tự và khối lượng đổ thải; không đổ thải ngoài phạm vi, vị trí được phép; bảo đảm ổn định bãi thải, không để đất đá thải gây bồi lấp dòng chảy hoặc phát tán ra khu vực xung quanh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế và chuyển giao chất thải rắn theo đúng quy định; không đốt, chôn lấp hoặc đổ thải chất thải không đúng quy định. Việc quản lý đất đá thải phải bảo đảm đúng thiết kế khai thác, thiết kế bãi thải và phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, máy móc. Bố trí các thiết bị, thùng chứa phù hợp để thu gom dầu thải, giẻ lau dính dầu và các chất thải nguy hại khác; không để chất thải nguy hại lẫn với chất thải thông thường.

b) Giai đoạn vận hành

Trang bị 03 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 100 lít, có dán nhãn cảnh báo, mã chất thải theo quy định; bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 12 m^2, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về an toàn và bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo dưỡng máy móc, phương tiện được phân loại, lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Các phương tiện, thiết bị sử dụng phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường phải được bảo dưỡng, kiểm tra trước khi thi công; chất thải nguy hại phát sinh, nếu có, phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo đúng quy định.

d) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải được quản lý, vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; thực hiện phân định, phân loại, ghi nhãn, lưu giữ và chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, hạn chế sử dụng thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn không cần thiết.

- Không tổ chức thi công vào thời gian nghỉ ban đêm tại khu vực có khả năng ảnh hưởng đến khu dân cư; thực hiện bảo dưỡng, bôi trơn định kỳ máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện khoan, nổ mìn theo đúng thiết kế, hộ chiếu nổ mìn và phương án được phê duyệt; kiểm soát khối lượng thuốc nổ, sơ đồ bố trí lỗ khoan và trình tự nổ nhằm hạn chế chấn động, đá văng.

- Máy móc, thiết bị khai thác, bốc xúc, vận chuyển phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn khi không cần thiết.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công, khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý công nhân và bảo đảm an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Hạn chế chặt phá cây cối ngoài phạm vi được phép; quản lý chặt chẽ phạm vi thi công, không để hoạt động thi công lan rộng ngoài diện tích dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu tuyến đường phục vụ thi công; kiểm soát đất đá, vật liệu rơi vãi và nước mưa chảy tràn.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và phòng ngừa sự cố trong quá trình thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái: Bảo vệ cây xanh ngoài phạm vi được phép khai thác; thường xuyên duy tu tuyến đường vận

chuyển; kiểm soát nước mưa chảy tràn, nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, không để đất đá làm cản trở dòng chảy.

- Bảo đảm an toàn trong khoan, nổ mìn: Thực hiện đúng quy định về quản lý, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; người thực hiện công tác khoan, nạp, nổ mìn phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, chứng chỉ theo quy định.

- Phòng ngừa cháy, nổ và bảo đảm an toàn kho vật liệu nổ công nghiệp: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về biển báo, kiểm soát nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị điện và các điều kiện an toàn của kho theo quy định chuyên ngành.

- Phòng ngừa nguy cơ trượt lở khai trường, bãi thải: Thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của tầng khai thác, mái dốc và bãi thải; thực hiện đổ thải đúng trình tự, cao độ và thiết kế được duyệt; gia cố kịp thời các vị trí có nguy cơ mất ổn định, đặc biệt trong mùa mưa lũ.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp khắc phục khi phát sinh sự cố hoặc tác động bất lợi.

c) Yêu cầu chung

Chủ dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố sạt lở, trượt lở, cháy nổ, sự cố liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp và các sự cố khác có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với khu vực khai trường: sau khi kết thúc khai thác thực hiện san gạt, tạo độ dốc phù hợp, bảo đảm thoát nước tự nhiên, không để đọng nước cục bộ và trồng cây phục hồi môi trường trên diện tích khoảng 1,897 ha.

- Đối với khu vực bãi thải: thực hiện cải tạo sau khi kết thúc đổ thải, san gạt bề mặt diện tích khoảng 0,2444 ha, bảo đảm ổn định, thoát nước và trồng cây phục hồi môi trường.

- Đối với khu vực phụ trợ: tháo dỡ các công trình, di dời máy móc, thiết bị; san gạt mặt bằng, bổ sung đất màu và trồng cây theo phương án được phê duyệt.

- Lắp đặt hàng rào và biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực khai trường, bãi thải và các khu vực có nguy cơ mất an toàn.

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 561.653.000 đồng, chưa bao gồm yếu tố trượt giá theo quy định.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường 10 lần; lần đầu 112.330.600 đồng; từ lần thứ hai trở đi 49.924.711 đồng/lần theo hồ sơ được thẩm định và quy định pháp luật hiện hành.v

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên.

- Việc cải tạo, phục hồi môi trường phải được thực hiện theo đúng tiến độ, nội dung, khối lượng và phương án được phê duyệt; duy trì các công trình bảo vệ môi trường cần thiết cho đến khi hoàn thành đóng cửa mỏ theo quy định.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Chủ dự án tổ chức giám sát chất lượng môi trường không khí; tiếng ồn, độ rung; công tác quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; tình trạng ổn định của bãi thải, tầng khai thác và các nguy cơ, sự cố môi trường.

- Thực hiện giám sát nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật và nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt.

- Trường hợp phát sinh nước thải từ khu vực khai trường, bãi thải hoặc hoạt động khai thác có nguy cơ chứa kim loại, phải thực hiện giám sát phù hợp đối với các thông số đặc trưng, tối thiểu lưu ý pH, TSS, As, Pb, Cd, Zn, Mn, Fe và các thông số khác theo kết quả nhận diện nguồn ô nhiễm.

- Tần suất giám sát thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và nội dung chương trình quản lý, giám sát môi trường đã được thẩm định.

Toàn bộ chất thải phát sinh phải được thu gom, lưu giữ, chuyển giao và xử lý theo quy định; không để phát sinh tình trạng xả thải trái quy định ra môi trường.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định.

- Bảo đảm tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo ĐTM; chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ thông tin, số liệu và nội dung đã cam kết.

- Tổ chức khai thác đúng phạm vi, ranh giới, diện tích, trữ lượng, công suất, cao độ và thời gian được cơ quan có thẩm quyền cho phép; không khai thác ngoài ranh giới, không đổ thải ngoài vị trí được chấp thuận.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về khoáng sản, đất đai, tài nguyên nước, lâm nghiệp và các lĩnh vực khác có liên quan trước khi triển khai các hoạt động thuộc diện phải có thủ tục theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các nghĩa vụ khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản.

- Xây dựng phương án, kế hoạch và lộ trình vận chuyển phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông; phương tiện vận chuyển phải che chắn, không để rơi vãi đất đá ra đường giao thông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tiếp nhận, xử lý ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân; kịp thời xác minh và thực hiện biện pháp khắc phục khi có tác động ảnh hưởng do hoạt động của Dự án.

- Không để hoạt động khai thác, đổ thải làm cản trở dòng chảy, gây ngập úng, sạt lở hoặc ảnh hưởng đến các công trình, đất sản xuất và hoạt động sinh hoạt của người dân khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước, bể lắng, bãi thải, tầng khai thác và các vị trí có nguy cơ phát sinh sự cố, nhất là trước, trong và sau mùa mưa lũ.

- Thực hiện công khai Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

- Trường hợp trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện Dự án có thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự báo các tình huống có khả năng xảy ra sự cố chất thải và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố phù hợp với hoạt động của Dự án.

- Trong quá trình khai thác phải thực hiện nghiêm các quy định về an toàn lao động, an toàn khai thác mỏ, an toàn khoan nổ mìn, quản lý vật liệu nổ công nghiệp và các quy định chuyên ngành có liên quan.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.